



Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Nguyễn Thị Hồng Ngọc

Trường Tiểu học Tân Lập 2, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 25/6/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 08/9/2023

Ngày nhận đăng: 16/9/2023

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Quản lý hoạt động dạy học;

Môn Tiếng Việt;

Cán bộ quản lý;

Giáo viên;

Nhà trường tiểu học;

TÓM TẮT

Quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học là một trong những nhiệm vụ chiến lược góp phần thực hiện thành công mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa hiện nay. Mặc dù công tác quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt trong giai đoạn hiện nay đã được chú trọng cải tiến nhưng thực tế cho thấy vẫn còn một số hạn chế về quản lý mục tiêu, quản lý kiểm tra, đánh giá. Chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu thực trạng thông qua khảo sát 27 cán bộ quản lý, 92 giáo viên ở 10 trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Các số liệu ghi nhận được có giá trị tham khảo tốt, giúp nhà quản lý bước đầu đánh giá được nhận thức, hiệu quả của việc quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học; từ đó đề xuất các giải pháp sư phạm hữu hiệu.

1. MỞ ĐẦU

Tiếng Việt (TV) là môn học có vị trí, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu ở nhà trường tiểu học, giúp học sinh (HS) chiếm lĩnh phương tiện quan trọng nhất dùng trong giao tiếp - đó là chữ viết. Hoạt động dạy học môn TV theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực sẽ giúp HS phát huy tốt nhất năng lực của bản thân, hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, hướng tới các giá trị giáo dục (GD) bản thân, hình thành ở người học những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Công tác quản lý hoạt động dạy học môn TV ở các trường tiểu học luôn được chú trọng nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả tổ chức rèn luyện kỹ năng giao tiếp gắn với các yêu cầu cần đạt, các mạch kiến thức tiếng Việt, văn học... Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện đã nêu 9 nhiệm vụ và giải pháp, trong đó nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của GD, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học... Đổi mới căn bản công tác quản lý GD, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (GDPT), đổi mới sách giáo khoa (SGK) hiện nay, công tác quản lý hoạt động dạy học môn TV ở nhà trường tiểu học càng được thúc đẩy để gia tăng sức mạnh nội lực trường học, tạo tiền đề cho việc thực hiện thành công mục tiêu GD toàn diện của nhà trường. Số liệu khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn TV ở một số trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có ý nghĩa quan trọng đối với các đề xuất biện pháp tác động sư phạm hướng đến mục tiêu dạy học phát triển phẩm chất, năng lực HS.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 92 GV và 27 cán bộ quản lý (CBQL) của 10 trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: Tiểu học Tân Lập 2, Tiểu học Lộc Thọ, Tiểu học Phước Tiến, Tiểu học Tân Lập 1, Tiểu học Phước Đồng, Tiểu học Vĩnh Phước 2, Tiểu học Phương Sài, Tiểu học Xương Huân, Tiểu học Phước Long 1, Tiểu học Vĩnh Nguyên 1.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi nhằm

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng Ngọc;

Địa chỉ e-mail: hongoc0272@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.117.2026>

tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn TV ở nhà trường tiểu học. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5 (1. Hoàn toàn không hiệu quả; 2. Không hiệu quả; 3. Tương đối hiệu quả; 4. Hiệu quả; 5. Rất hiệu quả). Phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.00 với các đại lượng thống kê mô tả như: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

- Hoạt động dạy học: “Các hoạt động dạy - học là các hoạt động cùng nhau của thầy và trò” (Davydov, dẫn theo Lê Văn Hồng, 1995) và đều cùng hướng về mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học. Theo các nhà nghiên cứu Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010) thì hoạt động dạy học là một hệ thống toàn vẹn bao gồm các thành tố cơ bản: mục tiêu, nội dung, phương tiện, hình thức tổ chức, phương pháp dạy, phương pháp học. Các thành tố này tương tác với nhau thực hiện nhiệm vụ tổ chức dạy học nhằm nâng cao chất lượng GD trong một bối cảnh nhất định.

- Quản lý: Hiểu một cách khái quát, quản lý là dự báo, lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, phối hợp và kiểm tra. Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) nêu khái niệm “quản lý” như sau: “Tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định” (Hoàng, 2003).

- Quản lý hoạt động dạy học: Quản lý hoạt động dạy học là điều khiển quá trình dạy học, cho quá trình đó vận hành có khoa học, có tổ chức theo những quy luật khách quan và được sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên nhằm thực hiện mục tiêu dạy học. Ở cấp vi mô (nhà trường), theo tác giả Trần Kiểm (2005), “quản lý hoạt động dạy học thực chất là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình dạy học (được tiến hành bởi tập thể GV và HS, với sự hỗ trợ đắc lực của các lực lượng xã hội) nhằm hình thành, phát triển toàn diện nhân cách HS theo mục tiêu của GD nhà trường”.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

3.2.1. Thực trạng quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn TV ở trường tiểu học

STT	Quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn TV ở trường tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Hướng dẫn các tổ chuyên môn, lập kế hoạch dạy học môn TV	3.45	1.01
2	Phê duyệt kế hoạch dạy học môn TV của tổ chuyên môn	4.35	0.71
3	Xây dựng mục tiêu dạy học môn TV phù hợp với mục tiêu theo Chương trình GDPT 2018	4.31	0.83
4	Định hướng cho GV mô tả, phân tích, đánh giá được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của môn TV theo Chương trình GDPT 2018	3.87	0.81
5	Cùng GV quy trình hoá mục tiêu bài học cho một tiết dạy thành các bước sao cho việc xác định mục tiêu bài dạy môn TV được chính xác	3.86	0.76

Kết quả khảo sát bảng 1 cho thấy từ phương diện quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn TV ở trường tiểu học, các tiêu chí về “Hướng dẫn các tổ chuyên môn, lập kế hoạch dạy học môn TV”, “Định hướng cho GV mô tả, phân tích, đánh giá được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của môn TV theo Chương trình GDPT 2018”, “Cùng GV quy trình hoá mục tiêu bài học cho một tiết dạy thành các bước sao cho việc xác định mục tiêu bài dạy môn TV được chính xác” được CBQL và GV đánh giá ở mức độ tương đối đạt hiệu quả. ĐTB cho các nội dung nói trên đạt từ 3.45 đến 3.87. Trong những năm đầu thực hiện đổi mới chương trình, SGK, các nội dung về hướng dẫn xây dựng kế hoạch GD, kế hoạch dạy học ở cấp độ tổ chuyên môn được thực hiện một cách thường xuyên. Bên cạnh đó, những định hướng về phân tích, kiến giải mục tiêu cụ thể, mục tiêu cho các bài học trong môn TV cũng được GV tiếp cận một cách rõ ràng. Đây cũng là một thực tế đáng lưu ý trong quản lý các hoạt động dạy học TV ở nhà trường tiểu học. Thông thường, các hoạt động mang tính trực tiếp, cụ thể được triển khai nhanh chóng; trong khi đó cả CBQL lẫn GV đều cho rằng rất cần thiết chú trọng “Xây dựng mục tiêu dạy học môn TV phù hợp với mục tiêu theo Chương trình GDPT 2018” (4.31) và “Phê duyệt kế hoạch dạy học môn TV của tổ chuyên môn” (4.35). Điều này đồng nghĩa với việc từ điểm nhìn của quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn TV ở trường tiểu học, các chiến lược hoạch định mục tiêu dạy học môn học nhằm đảm bảo tính hệ thống trong mục tiêu chương trình cũng như vai trò đánh giá, phê duyệt các kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn rất được chú trọng. ĐTB của hai tiêu chí về hiệu quả quản lý xây dựng mục tiêu môn học phù hợp với mục tiêu chương trình GDPT tổng thể, phê duyệt kế hoạch dạy học môn học đều đạt ở mức độ rất cao.

Từ kết quả khảo sát về hiệu quả quản lý mục tiêu kế hoạch dạy học môn TV ở trường tiểu học hiện nay

thể hiện trong bảng 1, có thể nhận thấy hầu hết CBQL và GV đều nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và hiệu quả của quản lý mục tiêu ở các cấp độ khác nhau (trường học, tổ chuyên môn, cá nhân GV), trong đó đặc biệt nhấn mạnh hiệu quả của tổ chuyên môn trong phê duyệt kế hoạch, tạo điều kiện cho việc hiện thực hoá mục tiêu chương trình, mục tiêu các bài học, mục tiêu các hoạt động rèn kỹ năng tiếng Việt.

3.2.2. Thực trạng quản lý việc thực hiện nội dung chương trình dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về việc thực hiện quản lý nội dung chương trình dạy học môn TV

STT	Quản lý việc thực hiện nội dung chương trình dạy học môn TV ở trường tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Quản lý GV không được tùy tiện làm sai lệch chương trình môn TV	3.89	0.88
2	Quản lý GV dạy đúng, dạy đủ các nội dung chương trình môn TV theo yêu cầu quy định của Bộ GD&ĐT	4.02	0.87
3	Quản lý GV dạy đúng nội dung kiến thức quy định của CT từng môn TV, không “giảm nhẹ”, “nâng cao”, “mở rộng” hơn so với yêu cầu CT	3.65	1.09
4	Quản lý GV giảng dạy đảm bảo phân phối CT: số tiết, số bài học và trình tự thực hiện đúng với những quy định về ôn tập, tổng kết, kiểm tra,...	4.45	0.79
5	Quản lý các tổ chuyên môn tập huấn về nội dung chương trình cho GV	4.37	0.81

Kết quả khảo sát bảng 2 cho thấy CBQL và GV đánh giá ở mức độ *hiệu quả* và *rất hiệu quả* đối với quản lý việc thực hiện nội dung chương trình dạy học môn TV ở trường tiểu học. Trong đó, “quản lý GV giảng dạy đảm bảo phân phối chương trình: số tiết, số bài học và trình tự thực hiện đúng với những quy định về ôn tập, tổng kết, kiểm tra,...” được đánh giá đạt hiệu quả cao nhất với ĐTB 4.45. Điều này được lý giải bởi tính quy phạm trong thực hiện dạy học theo phân phối chương trình, gắn với các bộ SGK TV được lựa chọn. Hiệu quả quản lý GV giảng dạy môn TV đảm bảo về số tiết, trình tự phân bố bài học... cũng cho thấy tính đồng bộ trong tổ chức nội dung dạy học không chỉ ở nhà trường mà còn trong toàn hệ thống. Trong khi đó, “quản lý GV dạy đúng nội dung kiến thức quy định của chương trình từng môn TV, không “giảm nhẹ” cũng không “nâng cao”, “mở rộng” hơn so với yêu cầu chương trình” (3.65) và “quản lý GV không được tùy tiện thay đổi, làm sai lệch chương trình môn Tiếng Việt” (3.89) được CBQL và GV đánh giá ở mức độ tương đối hiệu quả.

Được CBQL và GV đánh giá đạt hiệu quả tương đối cao hoặc hiệu quả cao có các tiêu chí: “quản lý GV dạy đúng, dạy đủ các nội dung chương trình môn TV theo yêu cầu quy định của Bộ GD&ĐT” (4.02), “quản lý các tổ chuyên môn tập huấn về nội dung chương trình cho GV” (4.37). Các nội dung chương trình môn TV hiện thực hoá qua bài học, hoạt động rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá là đã đảm bảo “dạy đúng”, “dạy đủ” và cần thiết phải phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong tập huấn nội dung chương trình đến tận từng GV đứng lớp. Cùng với kết quả đo ở bảng 1, có thể nhận thấy các nhà quản lý trường học và đội ngũ GV đều ghi nhận, đánh giá cao hiệu quả quản lý ở tất cả các khâu: định hướng, phê duyệt kế hoạch dạy học, quản lý các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn chuyên sâu về nội dung chương trình, nội dung dạy học môn TV gắn với từng bộ sách cụ thể.

3.2.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy môn Tiếng Việt của giáo viên ở trường tiểu học

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý hoạt động dạy môn TV của GV

STT	Quản lý hoạt động dạy môn TV của GV ở trường tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Giao tổ chuyên môn lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra định kỳ Kế hoạch bài dạy của GV	4.23	0.91
2	Góp ý về phương pháp, nội dung bài soạn, việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học	4.21	0.92
3	Quản lý giờ dạy thông qua thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, lịch báo giảng	4.09	0.88
4	Nhà trường đã quan tâm đến đổi mới phương pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TV	4.06	0.76
5	Tổ chức dự giờ môn TV theo định kỳ, đột xuất, có góp ý.	4.17	0.88

Hiệu quả quản lý hoạt động dạy môn TV của GV ở trường tiểu học hiện nay được đánh giá ở mức độ cao ở tất cả các tiêu chí, các phương diện khảo sát, đều đạt ĐTB >4.00. Dựa vào mức độ thể hiện trên bảng 3, có thể phân thành 2 nhóm: i) Nhóm các tiêu chí được đánh giá đạt hiệu quả cao, gồm việc “Nhà trường đã quan tâm đến đổi mới phương pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn TV” (4.06) và việc “Quản lý giờ dạy thông qua thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, lịch báo giảng” (4.09); ii) Nhóm các tiêu chí được đánh giá rất đạt hiệu quả (đạt hiệu quả rất cao), gồm việc “Tổ chức dự giờ môn TV theo định kỳ, đột xuất, có góp ý” (4.17), “Góp ý về phương pháp, nội dung bài soạn, việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học” (4.21), “Giao tổ chuyên môn lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra định kỳ Kế hoạch bài dạy của GV”

(4.23). Nhìn chung, các nhà quản lý trường học đều xác nhận vai trò và đánh giá cao hiệu quả thực hiện đổi mới phương pháp dạy học môn TV cũng như việc quản lý giờ dạy, bao gồm cả việc làm chủ các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động thực hành ngôn ngữ, văn học.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát đối với các tiêu chí ở nhóm 2 cho thấy CBQL và GV rất chú trọng các hoạt động dự giờ, sinh hoạt và chia sẻ chuyên môn trong dạy học môn TV nhằm gia tăng hiệu quả vận dụng phương pháp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Khi các hoạt động góp ý về phương pháp, phương tiện dạy học được chú trọng và đạt được hiệu quả, các hoạt động dự giờ, kiểm tra kế hoạch bài dạy (với các thể nghiệm mới về phương pháp) được tổ chức theo hướng tích cực, đạt được hiệu quả cao thì hiệu quả quản lý hoạt động dạy TV nói riêng, hiệu quả quản lý quá trình, hoạt động dạy học TV ở nhà trường tiểu học nói chung sẽ được khẳng định.

3.2.4. Thực trạng quản lý hoạt động học môn Tiếng Việt của học sinh tiểu học

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý hoạt động học môn TV của HS

STT	Quản lý hoạt động học môn TV của HS tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo tổ chức họp phụ huynh đầu năm, giữa kỳ, cuối kỳ và cuối năm để thông báo tình hình học tập và thống nhất các hình thức GD	3.98	0.94
2	Xây dựng và chỉ đạo nề nếp học tập môn TV với tinh thần, thái độ học tập: chăm chỉ, chuyên cần, học bài làm bài đầy đủ	3.89	0.75
3	Chỉ đạo đánh giá, nắm chắc tình hình và năng lực học tập môn TV	4.32	0.77
4	Tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu môn TV	4.15	0.92
5	Xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kỳ môn TV theo quy định kiểm tra, đánh giá	4.00	0.86
6	Chỉ đạo GV chủ nhiệm phối hợp với phụ huynh HS thông báo tình hình học tập môn TV của HS thông qua sổ liên lạc hàng tháng.	4.01	0.85

Kết quả khảo sát ở bảng 4 chỉ ra rằng CBQL và GV đều coi trọng và đánh giá cao hiệu quả quản lý hoạt động học môn TV của HS. ĐTB các tiêu chí khảo sát gắn với hiệu quả quản lý các hoạt động kết nối với phụ huynh trong thông báo tình hình học tập (hàng tháng, giữa và cuối kỳ), hoạt động xây dựng và chỉ đạo nề nếp học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập... đều đạt ngưỡng cận 4.0 hoặc trên 4.0. Mức độ đạt được của hiệu quả quản lý hoạt động học TV từ góc độ chỉ đạo phối hợp phụ huynh trong thông báo tình hình học tập được đánh giá gần như tương đương nhau; mặc dù hiệu quả “chỉ đạo GV chủ nhiệm phối hợp với phụ huynh HS thông báo tình hình học tập môn TV của HS thông qua sổ liên lạc hàng tháng” (4.01) so với hiệu quả “chỉ đạo tổ chức họp phụ huynh đầu năm, giữa kỳ, cuối kỳ và cuối năm để thông báo tình hình học tập và thống nhất các hình thức GD” (3.98) vẫn có ĐTB cao hơn 0.03. Đối với HS tiểu học, các CBQL và GV vẫn cho rằng cần thiết chỉ đạo GV chủ nhiệm lớp thực hiện thông báo tình hình học tập môn TV thường xuyên hàng tháng qua sổ liên lạc.

Được đánh giá đạt hiệu quả cao hoặc rất cao trong nhóm này thuộc về việc quản lý “chỉ đạo đánh giá, nắm chắc tình hình và năng lực học tập môn TV” (4.32), “tổ chức bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu môn Tiếng Việt” (4.15). Các kết quả khảo sát này khẳng định CBQL và GV một mặt chú trọng hiệu quả nắm bắt, cập nhật thông tin về quá trình học tập, về sự phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học của HS qua các hoạt động thực hành TV, mặt khác nhấn mạnh sự tác động sự phạm của nhà trường, của GV phù hợp các đối tượng HS: HS giỏi, HS gặp khó khăn trong thực hành TV. Ngoài ra, CBQL và GV tham gia khảo sát cũng đánh giá ở mức tương đối cao hiệu quả “xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra định kỳ môn TV theo quy định kiểm tra, đánh giá” (4.00) và “xây dựng và chỉ đạo nề nếp học tập môn TV với tinh thần, thái độ học tập: chăm chỉ, chuyên cần, học bài làm bài đầy đủ” (3.89). Xuyên suốt các vấn đề khảo sát, quản lý chiến lược, kế hoạch kiểm tra, đánh giá luôn được chú trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển của quá trình dạy học TV nói chung, hiệu quả học tập môn TV của HS nói riêng.

3.2.5. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học

Hiệu quả của việc quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học giữ vị trí quan trọng trong quản lý hoạt động dạy học môn TV cho HS tiểu học hiện nay. ĐTB thấp nhất (3.56) gắn với việc “phân tích tình hình kết quả học tập từ những số liệu và kết quả được GV báo cáo để có sự điều chỉnh kịp thời”. Điều này phản ánh thực tế quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học TV ở nhà trường tiểu học, khi các nhà quản lý trường học và GV đã chú trọng thực hiện việc đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ nhưng số liệu lại chưa được phân tích một cách thật sự hiệu quả như kỳ vọng, dù vẫn được đánh giá khá tốt. Các tiêu chí còn lại, theo đánh giá của CBQL và GV, đều được đánh giá là đã “hiệu quả” hoặc “rất hiệu quả”. Bên

cạnh việc khẳng định hiệu quả bước đầu của công tác quản lý kiểm tra, đánh giá thông qua các hoạt động thường niên và các hồ sơ lưu trữ (4.00) hay tập huấn, bồi dưỡng năng lực kiểm tra, đánh giá cho GV (4.07), những người tham gia khảo sát cho rằng việc “Xây dựng chuẩn đánh giá hoạt động dạy học môn TV phù hợp với đặc điểm chuyên môn của nhà trường” (4.14) đã đạt hiệu quả tương đối cao. Mặc dù, chuẩn đánh giá hoạt động dạy học môn TV phù hợp với đặc điểm chuyên môn của nhà trường được kỳ vọng là một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá gắn với thực tiễn, vẫn cần cân nhắc các quy định về đánh giá kiểm tra ở tiểu học và định hướng xây dựng ma trận, đề kiểm tra môn TV theo từng khối lớp.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn TV cho HS tiểu học

STT	Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn TV cho HS tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng chuẩn đánh giá hoạt động dạy học môn TV phù hợp với đặc điểm chuyên môn của nhà trường	4.14	0.91
2	Kiểm tra giám sát quá trình GV tổ chức đánh giá việc học TV của HS theo quy định	3.98	0.98
3	Kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đột xuất, trực tiếp hoặc gián tiếp việc dạy học môn TV thông qua các hoạt động như kiểm tra hồ sơ sổ sách, dự giờ	4.00	0.89
4	Tổ chức tập huấn cho đội ngũ GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá HS theo hướng phát triển năng lực	4.07	0.89
5	Phân tích tình hình kết quả học tập môn TV của HS từ những số liệu và kết quả được GV báo cáo để có sự điều chỉnh kịp thời	3.56	1.05

Từ kết quả khảo sát ở bảng 5, có thể thấy các CBQL và GV có sự đánh giá tương đối đồng đều về mức độ hiệu quả của các hoạt động quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học môn TV cho HS tiểu học hiện nay trong nhà trường. Từ các điểm nhìn khác nhau như hiệu quả giám sát quá trình giáo viên tổ chức đánh giá việc học TV của HS, hiệu quả phân tích tình hình kết quả học tập TV của HS qua số liệu, hiệu quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ qua dữ liệu trên hồ sơ, hiệu quả của các hoạt động quản lý kiểm tra, đánh giá đã bước đầu được xác thực.

3.2.6. Thực trạng quản lý việc khai thác sử dụng thiết bị và đồ dùng hỗ trợ cho hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý việc khai thác sử dụng thiết bị và đồ dùng hỗ trợ cho hoạt động dạy học môn TV ở trường tiểu học

STT	Quản lý việc khai thác sử dụng thiết bị và đồ dùng hỗ trợ cho hoạt động dạy học môn TV ở trường tiểu học	Kết quả KS	
		ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo cung cấp, bổ sung các tài liệu, thiết bị dạy học môn TV đáp ứng yêu cầu	4.27	0.90
2	Ban hành các quy định nội quy về sử dụng, bảo quản thiết bị và đồ dùng dạy học môn TV	3.19	0.92
3	Tổ chức phân công GV và bộ phận phụ trách chuyên môn lập kế hoạch khai thác tối ưu các thiết bị và đồ dùng dạy học môn TV	4.12	0.85
4	Động viên khuyến khích GV tự làm các đồ dùng phục vụ dạy học môn TV	3.98	0.91
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ GV nâng cao năng lực trong khai thác và vận dụng linh hoạt các đồ dùng thiết bị dạy học theo từng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn TV	3.94	1.01

Kết quả khảo sát bảng 6 cho thấy quản lý việc khai thác sử dụng thiết bị và đồ dùng hỗ trợ cho hoạt động dạy học môn TV ở trường tiểu học đều đạt hiệu quả tương đối cao hoặc cao. Về cơ bản, CBQL và GV đều đánh giá và ghi nhận hiệu quả hoạt động quản lý hoạt động dạy học môn TV từ góc độ của khai thác sử dụng thiết bị, phương tiện... Tuy nhiên, nếu các hoạt động “tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ GV nâng cao năng lực trong khai thác và vận dụng linh hoạt các đồ dùng thiết bị dạy học theo từng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn TV”, “khuyến khích GV tự làm các đồ dùng phục vụ dạy học môn Tiếng Việt”, “tổ chức phân công GV và bộ phận phụ trách chuyên môn lập kế hoạch khai thác tối ưu các thiết bị và đồ dùng dạy học môn TV”, “chỉ đạo cung cấp, bổ sung các tài liệu, thiết bị dạy học môn TV đáp ứng yêu cầu” đều đạt mức độ tương đối cao với ĐTB từ 3.94 đến 4.27 thì hiệu quả quản lý “ban hành các quy định nội quy về sử dụng, bảo quản thiết bị và đồ dùng dạy học môn TV” lại khá chênh lệch, chỉ đạt ĐTB 3.19. Có thể thấy, trong thực tiễn, việc quản lý chỉ đạo cung cấp, bổ sung nguồn tài liệu, thiết bị đáp ứng nhu cầu rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nói và nghe rất được quan tâm và được đánh giá là rất hiệu quả. Việc hầu hết ý kiến khảo sát tập trung vào khẳng định hiệu quả quản lý gắn với các tiêu chí (3), (4), (5) trong bảng 6 cũng nhấn mạnh giá trị của các hoạt động bồi dưỡng nguồn nhân lực (GV) thực hiện công tác chuyên trách, quản trị

thiết bị, trong sử dụng phương tiện phù hợp với nội dung dạy học, phương pháp được lựa chọn. Đặc biệt, việc khuyến khích, động viên GV tự làm, tự thiết kế các đồ dùng phục vụ dạy học môn TV cũng được đánh giá là đã đạt được hiệu quả nhất định (ĐTB 3.98), góp phần gia tăng nguồn tư liệu dạy học, giải quyết được các bài toán về thiết kế, sử dụng đồ dùng dạy học mang tính đặc thù, chuyên biệt, phù hợp đối tượng HS.

3. KẾT LUẬN

Kết quả tìm hiểu và đánh giá thực trạng tại các trường tiểu học thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cho thấy việc quản lý hoạt động dạy học môn TV đã được các cấp quản lý quan tâm, hưởng ứng và thực hiện đạt được hiệu quả nhất định. Hầu hết CBQL và GV đánh giá ở mức độ từ “tương đối hiệu quả” đến “hiệu quả cao” đối với các hoạt động: quản lý mục tiêu, nội dung, hoạt động dạy, hoạt động học, điều kiện về nguồn lực tài chính, điều kiện cơ sở vật chất. Sự đồng bộ, khoa học trong quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động dạy và học ngôn ngữ trong nhà trường. Trong bối cảnh đổi mới chương trình, SGK hiện nay, để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học môn TV, các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa cần đẩy mạnh thực hiện các biện pháp cơ bản sau: Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL, GV về tầm quan trọng của hoạt động dạy học môn TV ở các trường tiểu học; Tổ chức triển khai lựa chọn các nội dung dạy học môn TV phù hợp với đặc thù của HS tiểu học; Chỉ đạo đa dạng hoá các phương pháp và hình thức dạy học môn TV phù hợp với HS và điều kiện của các trường tiểu học; Tăng cường chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp dạy học môn TV theo định hướng phát triển năng lực HS cho đội ngũ GV tiểu học; Tăng cường đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập môn TV theo định hướng phát triển năng lực; Chỉ đạo cải tiến các công tác kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn TV theo tiếp cận năng lực HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Hoàng, P. (Chủ biên). (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng; Trung tâm Từ điển học.
- Lê, V. H. (Chủ biên). (1995). *Tâm lí học đời sống*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
- Nguyễn, Q. C., & Nguyễn, T. M. L. (2010). *Đại cương khoa học quản lý*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần, K. (2005). Đổi mới tư duy trong quản lý giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, (119), 1–2

Current status of teaching Vietnamese language in primary schools in Nha Trang city, Khanh Hoa province

Nguyen Thi Hong Ngoc

Tan Lap 2 Primary School, Nha Trang City, Khanh Hoa Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 25 June 2023

Received in revised form: 08 September 2023

Accepted: 16 September 2023

Published: 20 August 2026

Keywords:

Management of teaching activities;

Vietnamese language;

Managers;

Teachers;

Primary schools,

Corresponding author:

Nguyen Thi Hong Ngoc

E-mail address:

hongoc0272@gmail.com

ABSTRACT

The management of teaching activities in the Vietnamese language subject in primary schools is one of the strategic tasks contributing to the successful implementation of the current curriculum and textbooks renewal objectives. Despite efforts to improve the management of teaching Vietnamese language in the present period, practical observations reveal certain limitations in goal management and assessment control. We conducted a study to assess the current situation by surveying 27 administrators and 92 teachers from 10 primary schools in Nha Trang City, Khanh Hoa Province. The collected data provides valuable reference points, enabling educational leaders to initially evaluate the awareness and effectiveness of managing Vietnamese language teaching activities in primary schools. Subsequently, this study proposes effective pedagogical solutions.